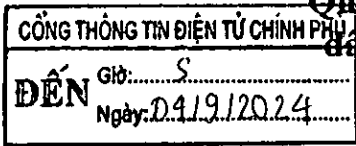


Số: 15/2024/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 3755/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trên địa bàn tỉnh có đủ các điều kiện sau đây:

- Tại địa bàn cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền;

- Thường trú tại địa phương từ 05 năm trở lên, được Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi thường trú) xác nhận tại thời điểm điều tra xác định cá nhân được hưởng chính sách.

## **Điều 2. Chính sách hỗ trợ**

1. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu, như sau:

- a) Giao đất ở trong hạn mức và được miễn tiền sử dụng đất;
- b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- c) Giao đất nông nghiệp trong hạn mức theo quy định không thu tiền sử dụng đất;
- d) Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn tiền thuê đất;
- đ) Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Chính sách hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất lần đầu quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức mà thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh như sau:

- a) Trường hợp không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở; người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.
- b) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức.

3. Trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2024.

4. Quỹ đất và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai

- a) Đất để thực hiện chính sách hỗ trợ được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29

Điều 79 Luật Đất đai năm 2024;

b) Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách hỗ trợ được bố trí từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và căn cứ tình hình thực tế, quỹ đất của địa phương quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 8 năm 2024. / K

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, TN và MT, TC, KH và ĐT;
- Vụ pháp chế các Bộ: TN và MT, TC, KH và ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành tỉnh: TN và MT, KH và ĐT, TC, TP, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Cổng thông tin điện tử Trà Vinh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**